TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/DS-ST.
Ngày: 29-6-2023.
V/v tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Tăng Thị Bạch Vân**;

2. Ông **Nguyễn Văn Sơn**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Phạm Thị Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên toà*:** Không.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 157/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Đặng Văn Q, sinh ngày 13/4/1947, Địa chỉ thường trú: số 135 Quốc lộ M, Khu phố N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: số 32/22, đường M, khu phố N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn Q là ông Trần Văn N1, sinh ngày 03/4/1992, Địa chỉ: số 236B, Tổ B, Khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Theo Giấy ủy quyền ngày 23/11/2021 (có mặt).

2. Bị đơn: bà Trần Thị Hồng N2, sinh năm 1989; địa chỉ: số 85/70 đường B, phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: số 402/2, ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2021 của nguyên đơn ông Đặng Văn Q gửi Toà án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Người đại diện theo ủy quyền của ông Q là ông Trần Văn N1 trình bày:*

Ngày 14/3/2019 ông Q và bà Trần Thị Hồng N2 có lập Hợp đồng vay tài sản cụ thể ông Q cho bà N2 vay số tiền 500.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng, mục đích vay là bà N2 mua xe ô tô chạy dịch vụ. Nhưng từ tháng 02/2021 bà N2 không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận, không trả tiền cho ông Q.

Ông Q yêu cầu Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết buộc bà Trần Thị Hồng N2 phải trả số tiền là 540.000.000đồng trong đó vốn vay là 500.000.000đồng, lãi theo thỏa thuận từ ngày 01/02/2021 đến 01/10/2021, số tiền 40.000.000đồng. Do bà Trần Thị Hồng N2 đã chuyển về sinh sống tại số 402/2, ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án đã được chuyển theo thẩm quyền ông đồng ý.

Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của ông Q là ông Trần Văn N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông Q. Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bà Trần Thị Hồng N2 phải trả số tiền là 540.000.000 đồng trong đó vốn vay là 500.000.000đồng, lãi theo thỏa thuận từ ngày 01/02/2021 đến 01/10/2021, số tiền 40.000.000đồng, không yêu cầu thêm lãi suất.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Hồng N2 không có ý kiến phản đối cũng không yêu cầu phản tố.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÓA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo đơn khởi kiện của ông Q trình bày: Vào ngày 14/3/2019 ông Q và bà Trần Thị Hồng N2 có lập Hợp đồng vay tài sản cụ thể ông Q cho bà N2 vay số tiền 500.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng, mục đích vay là bà N2 mua xe ô tô chạy dịch vụ. Nhưng từ tháng 02/2021 bà N2 không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận, không trả tiền cho ông Q.

Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của ông Q là ông Trần Văn N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông Q. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Hồng N2 phải trả số tiền là 540.000.000đồng trong đó vốn vay là 500.000.000đồng, lãi theo thỏa thuận từ ngày 01/02/2021 đến 01/10/2021, số tiền 40.000.000đồng, không yêu cầu thêm lãi suất.

[2.2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của phía nguyên đơn, thấy rằng: Bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách và các tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn cung cấp cho Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển đến (Theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số: 456/2022/QĐST-DS, ngày 23/9/2022). Trong đó có *"Văn*

bản thỏa thuận và cam kết - Bản gốc" lập ngày 14/3/2019 nội dung Hợp đồng thể hiện bà Trần Thị Hồng N2 có vay của ông Đặng Văn Q số tiền là 500.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng, trả lãi ngày 15 hàng tháng, mục đích vay là bà N2 mua xe ô tô chạy dịch vụ, cùng các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà N2 không có ý kiến phản đối cũng không yêu cầu phản tố nên Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ những phân tích ở Mục **[2]** là có căn cứ để buộc bà Trần Thị Hồng N2 phải trả cho ông Đặng Văn Q số tiền vốn gốc 500.000.000đồng và lãi suất 1%/tháng theo thỏa thuận từ ngày 01/02/2021 đến 01/10/2021, số tiền 40.000.000đồng, không yêu cầu thêm lãi suất là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 463, 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015. Ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn về việc chỉ yêu cầu lãi suất 1%/tháng theo thỏa thuận từ ngày 01/02/2021 đến 01/10/2021, với số tiền 40.000.000đồng, không yêu cầu thêm lãi suất.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn Q.

Buộc bà Trần Thị Hồng N2 có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn Q tổng số tiền là 540.000.000đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng). Trong đó vốn gốc là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng), lãi suất là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày ông Đặng Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng bà Trần Thị Hồng N2 phải trả cho ông Đặng Văn Q theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị Hồng N2 phải chịu 25.600.000đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đặng Văn Q không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do ông thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *Chi cục THADS huyện Kế Sách;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TRẦN THANH BÌNH